

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
DƯỢC SÀI GÒN (SAPHARCO)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 617/SGP-KD  
V/v bổ sung số đăng ký  
sản phẩm trúng thầu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2024

**Kính gửi: Sở Y tế Tây Ninh**

Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn (Sapharco) chân thành cảm ơn sự hợp tác và hỗ trợ của quý Sở Y tế trong thời gian qua.

Căn cứ Quyết định trúng thầu số 136/QĐ-SYT ngày 02/03/2023 của Giám đốc Sở Y tế Tây Ninh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Gói thầu số 01- Cung cấp thuốc generic thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024.

Bằng văn bản này, Công ty Sapharco xin bổ sung thêm Số đăng ký sản phẩm **Heraprostol** là: **893110465724**. Cụ thể như sau

STT	Thông tin thuốc trúng thầu	Thông tin thuốc trúng thầu sau bổ sung Số đăng ký
01	Tên thuốc: <b>Heraprostol</b> Hoạt chất, hàm lượng: Misoprostol (Dưới dạng Misoprostol HPMC 1% dispersion) 200mcg Quy cách: Hộp 3 vỉ x 10 viên Số đăng ký: <b>VD-29544-18</b> Nhà sản xuất: Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera Nước sản xuất: Việt Nam Nhóm TCKT: <b>5</b>	Tên thuốc: <b>Heraprostol</b> Hoạt chất, hàm lượng: Misoprostol (Dưới dạng Misoprostol HPMC 1% dispersion) 200mcg Quy cách: Hộp 3 vỉ x 10 viên Số đăng ký: <b>893110465724; VD-29544-18</b> Nhà sản xuất: Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera Nước sản xuất: Việt Nam Nhóm TCKT: <b>5</b>

Công ty Sapharco xin đính kèm Quyết định số 401/QĐ-QLD ngày 18/06/2024 của Cục Quản lý Dược về việc ban hành Danh mục 512 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 200 và việc thay đổi này không ảnh hưởng đến giá trúng thầu cũng như chất lượng sản phẩm.

Kính mong quý Sở Y tế xem xét và chấp thuận công văn của Công ty chúng tôi.

Trân trọng kính chào./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: P. KD

**Q. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**Trịnh Đào Cung**



Ký bởi: Cục Quản  
lý Dược  
Cơ quan: Bộ Y tế  
Ngày ký: 18-06-  
2024 11:21:43  
+07:00

**BỘ Y TẾ**  
**CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 401 /QĐ-QLD

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Danh mục 512 thuốc sản xuất trong nước  
được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 200**

**CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**

*Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-BYT ngày 26/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;*

*Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế đợt 200 tại Công văn số 43/HĐTV-VPHĐ ngày 15/5/2024 của Văn phòng Hội đồng tư vấn cấp GDKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 512 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 200, cụ thể:

1. Danh mục 418 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 05 năm (*Phụ lục I kèm theo*).

2. Danh mục 89 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 03 năm (*Phụ lục II kèm theo*).

3. Danh mục 05 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực đến 31/12/2025 (*Phụ lục III kèm theo*).

**Điều 2.** Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

4. Thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này nhưng chưa nộp hồ sơ cập nhật nội dung nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định của Thông tư 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế thì phải thực

hiện cập nhật theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 37 Thông tư số 01/2018/TT-BYT trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được gia hạn giấy đăng ký lưu hành.

5. Sau 12 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành theo Quyết định này có thay đổi về nội dung hành chính phải sản xuất và lưu hành với các nội dung đã được phê duyệt thay đổi trong hồ sơ gia hạn.

6. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

7. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

8. Các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này được tiếp tục sử dụng số đăng ký đã cấp trước khi gia hạn trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày được cấp số đăng ký gia hạn theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BYT.

9. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2022/TT-BYT đối với các thuốc trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- BT. Đào Hồng Lan (đề b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (đề b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HĐTV cấp GĐKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TŨ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCHN, P.QLGT;
- Website;
- Lưu: VT, ĐKT (C.H) (02b).



**CỤC TRƯỞNG**

**Vũ Tuấn Cường**

95.  
3 TY  
24 H  
HÀNH  
DUO  
AI  
T.

**Phụ lục I**

**DANH MỤC 418 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH  
TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 200**

*(Kèm theo Quyết định số 401 /QĐ-QLD ngày 18 tháng 06 năm 2024  
của Cục Quản lý Dược)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

**1. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An** (Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, Phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam)

**1.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An** (Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, Phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam)

1	CinatamDNA	Cinarizin 25mg; Piracetam 400mg	Viên nang cứng	Hộp 6 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36	8931 10425424 (VD-26359-17)	1
2	Piracetam - DNA	Piracetam 400mg	Viên nang cứng	Hộp 5 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	ĐDVN V	36	8931 10425524 (VD-26362-17)	1
3	Tetracyclin 250mg	Tetracyclin hydroclorid 250mg	Viên nén	Lọ 450 viên, Lọ 400 viên, Lọ 200 viên, Lọ 100 viên	ĐDVN V	24	8931 10425624 (VD-20928-14)	1

**2. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược Apimed** (Địa chỉ: 263/9 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

**2.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Apimed** (Địa chỉ: Đường N1, cụm công nghiệp Phú Thạnh – Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

4	Misopato 5	Bisoprolol fumarat 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	USP 38	24	8931 10425724 (VD-31034-18)	1
5	Nooapi 400	Piracetam 400mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	24	8931 10425824 (VD-31036-18)	1
6	Nooapi 800	Piracetam 800mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	24	8931 10425924 (VD-30220-18)	1
7	Sucrapi	Sucralfat 1000mg	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 5ml; Hộp 50 gói x 5ml	NSX	24	8931 00426024 (VD-30914-18)	1

**3. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược Danapha** (Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam)

**3.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Danapha** (Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam)

8	Disidana	Nefopam hydroclorid 20mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	NSX	36	8931 10426124 (VD-31518-19)	1
9	Furosol	Furosemid 20mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	NSX	24	8931 10426224 (VD-24683-16)	1
10	Garnotal	Phenobarbital 100mg	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36	8931 12426324 (VD-24084-16)	1
11	Haloperidol 2 mg	Haloperidol 2mg	Viên nén	Hộp 1 lọ x 200 viên	NSX	36	8931 10426424 (VD-18188-13)	1
12	Meloxicam 15mg	Meloxicam 15mg	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	36	8931 10426524 (VD-31520-19)	1
13	Neuropyl 400	Piracetam 400mg	Viên nang cứng	Hộp 5 vi x 10 viên	NSX	36	8931 10426624 (VD-25094-16)	1

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
393	Teicomedlac 400	Teicoplanin 400mg	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ; Hộp 1 lọ x 1 ống (dung môi nước vô khuẩn để tiêm 3ml)	NSX	36	893115464624 (VD-30145-18)	1

**86. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dược phẩm Thành Nam** (Địa chỉ: 3A Đặng Tất, Phường Tân Định, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam)

**86.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dược phẩm Thành Nam tại Bình Dương** (Địa chỉ: 60 Đại lộ Độc Lập, Khu Công Nghiệp Việt Nam-Singapore, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

394	Corcotab	Bisoprolol fumarat 2,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên, Hộp 5 vỉ x 14 viên	NSX	36	893110464724 (VD-22380-15)	1
395	Loperamide	Loperamid HCl 2mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893100464824 (VD-33127-19)	1
396	Meloxicam 15	Meloxicam 15mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110464924 (VD-32463-19)	1
397	Meloxicam 7,5	Meloxicam 7,5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110465024 (VD-30164-18)	1
398	Tanaclaratyne	Loratadin 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Lọ 200 viên	NSX	36	893100465124 (VD-31419-18)	1
399	Tanadebirate	Trimebutin maleat 100mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên, Hộp 10 vỉ x 15 viên	NSX	36	893110465224 (VD-33130-19)	1
400	Tanametrol	Methylprednisolon 4mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	36	893110465324 (VD-26624-17)	1

**87. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Shine Pharma** (Địa chỉ: 781/C2, đường Lê Hồng Phong (nối dài), phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

**87.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Chi nhánh nhà máy sản xuất dược phẩm Userichpharm** (Địa chỉ: Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

401	Stromectin 6mg	Ivermectin 6mg	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 4 viên	NSX	36	893110465424 (VD-23405-15)	1
-----	----------------	----------------	----------	-------------------	-----	----	----------------------------	---

**88. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera** (Địa chỉ: Lô A17 Khu công nghiệp Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam)

**88.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera** (Địa chỉ: Lô A17 Khu công nghiệp Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam)

402	Amnol	Cilnidipine 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 01 lọ x 100 viên	NSX	36	893110465524 (VD-30148-18)	1
403	Biovacor	Pravastatin natri 10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ x 100 viên	NSX	36	893110465624 (VD-30149-18)	1
404	Heraprostol	Misoprostol (dưới dạng Misoprostol HPMC 1% dispersion) 200 µg (mcg)	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110465724 (VD-29544-18)	1

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
405	Platetica	Ticagrelor 90mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ x 100 viên	NSX	36	893110465824 (VD-29546-18)	1
406	Rilixetin	Dapoxetin (dưới dạng Dapoxetin hydrochlorid) 30mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 4 viên	NSX	36	893110465924 (VD-28738-18)	1
407	Rilixetin	Dapoxetin (dưới dạng Dapoxetin hydrochlorid) 60mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 4 viên	NSX	36	893110466024 (VD-28739-18)	1

**89. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH tư vấn và phát triển công nghệ Trung Thành** (Địa chỉ: 351 Đê La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam)

**89.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình** (Địa chỉ: Km 4 đường Hùng Vương – TP. Thái Bình – tỉnh Thái Bình-Việt Nam)

408	Viafill 20mg	Tadalafil 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 2 viên	NSX	36	893110466124 (VD-32471-19)	1
-----	--------------	----------------	-------------------	-------------------	-----	----	----------------------------	---

**90. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH United International Pharma** (Địa chỉ: Số 16 VSIP II, đường số 7, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II, Khu liên hợp Công nghiệp-Dịch vụ-Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

**90.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH United International Pharma** (Địa chỉ: Số 16 VSIP II, đường số 7, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II, Khu liên hợp Công nghiệp-Dịch vụ-Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

409	Clazic MR	Gliclazide 60mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 03 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110466224 (VD-30177-18)	1
-----	-----------	-----------------	------------------------------	---------------------	-----	----	----------------------------	---

**91. Cơ sở đăng ký: Cơ sở đặt gia công: Công ty Cổ phần Dược phẩm và Dịch vụ Y tế Khánh Hội** (Địa chỉ: Số 01 Lê Thạch, phường 13, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

**91.1. Cơ sở sản xuất: Cơ sở nhận gia công: Chi nhánh công ty TNHH sản xuất thương mại dược phẩm Thành Nam tại Bình Dương** (Địa chỉ: 60 Đại lộ Độc Lập, Khu Công Nghiệp Việt Nam-Singapore, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

410	Piroxicam	Piroxicam 10mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893610466324 (GC-302-18)	1
411	Taginyl	N-Acetyl-dl-Leucin 500mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	NSX	36	893600466424 (GC-332-19)	1
412	Toussolène	Alimemazin tartrat 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 25 viên, Hộp 8 vỉ x 25 viên, Hộp 10 vỉ x 25 viên	NSX	36	893600466524 (GC-303-18)	1
413	Vitamin PP	Nicotinamid 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Lọ 100 viên	NSX	36	893610466624 (GC-312-19)	1

**92. Cơ sở đăng ký: Chi nhánh Công ty cổ phần Dược Phú Thọ tại Hà Nội** (Địa chỉ: Nhà số 4 dãy A1 Đầm Trấu, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

**92.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH MTV dược phẩm 150 Cophavina** (Địa chỉ: 112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

414	Levina	Vardenafil (dưới dạng Vardenafil hydrochlorid) 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 4 viên, Hộp 1 chai x 10 viên	NSX	36	893110466724 (VD-29591-18)	1
-----	--------	---	-------------------	---	-----	----	----------------------------	---

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
DƯỢC SÀI GÒN (SAPHARCO)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 616/SGP-KD  
V/v bổ sung số đăng ký  
sản phẩm trúng thầu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Sở Y tế Tây Ninh

Công ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn (Sapharco) chân thành cảm ơn sự hợp tác và hỗ trợ của quý Sở Y tế trong thời gian qua.

Căn cứ Quyết định trúng thầu số 136/QĐ-SYT ngày 02/03/2023 của Giám đốc Sở Y tế Tây Ninh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Gói thầu số 01- Cung cấp thuốc generic thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương để sử dụng tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2024.

Bằng văn bản này, Công ty Sapharco xin bổ sung thêm Số đăng ký sản phẩm Heraprostol là: **893110465724**. Cụ thể như sau

STT	Thông tin thuốc trúng thầu	Thông tin thuốc trúng thầu sau bổ sung Số đăng ký
01	Tên thuốc: <b>Heraprostol</b> Hoạt chất, hàm lượng: Misoprostol (Dưới dạng Misoprostol HPMC 1% dispersion) 200mcg Quy cách: Hộp 3 vỉ x 10 viên Số đăng ký: <b>VD-29544-18</b> Nhà sản xuất: Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera Nước sản xuất: Việt Nam Nhóm TCKT: 4	Tên thuốc: <b>Heraprostol</b> Hoạt chất, hàm lượng: Misoprostol (Dưới dạng Misoprostol HPMC 1% dispersion) 200mcg Quy cách: Hộp 3 vỉ x 10 viên Số đăng ký: <b>893110465724; VD-29544-18</b> Nhà sản xuất: Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera Nước sản xuất: Việt Nam Nhóm TCKT: 4

Công ty Sapharco xin đính kèm Quyết định số 401/QĐ-QLD ngày 18/06/2024 của Cục Quản lý Dược về việc ban hành Danh mục 512 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 200 và việc thay đổi này không ảnh hưởng đến giá trúng thầu cũng như chất lượng sản phẩm.

Kính mong quý Sở Y tế xem xét và chấp thuận công văn của Công ty chúng tôi.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: P. KD

Q. TÔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Đào Cung



Ký bởi: Cục Quản  
lý Dược  
Cơ quan: Bộ Y tế  
Ngày ký: 18-06-  
2024 11:21:43  
+07:00

**BỘ Y TẾ**  
**CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 401 /QĐ-QLD

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Danh mục 512 thuốc sản xuất trong nước  
được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 200**

**CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**

*Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-BYT ngày 26/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BYT ngày 05/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;*

*Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế đợt 200 tại Công văn số 43/HĐTV-VPHĐ ngày 15/5/2024 của Văn phòng Hội đồng tư vấn cấp GDKLH thuốc, nguyên liệu làm thuốc;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 512 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 200, cụ thể:

1. Danh mục 418 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 05 năm (*Phụ lục I kèm theo*).

2. Danh mục 89 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực 03 năm (*Phụ lục II kèm theo*).

3. Danh mục 05 thuốc sản xuất trong nước được gia hạn giấy đăng ký lưu hành hiệu lực đến 31/12/2025 (*Phụ lục III kèm theo*).

**Điều 2.** Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

4. Thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này nhưng chưa nộp hồ sơ cập nhật nội dung nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định của Thông tư 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế thì phải thực



hiện cập nhật theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 37 Thông tư số 01/2018/TT-BYT trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được gia hạn giấy đăng ký lưu hành.

5. Sau 12 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành theo Quyết định này có thay đổi về nội dung hành chính phải sản xuất và lưu hành với các nội dung đã được phê duyệt thay đổi trong hồ sơ gia hạn.

6. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BYT trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

7. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

8. Các thuốc được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Quyết định này được tiếp tục sử dụng số đăng ký đã cấp trước khi gia hạn trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày được cấp số đăng ký gia hạn theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BYT.

9. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 08/2022/TT-BYT đối với các thuốc trong Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- BT. Đào Hồng Lan (đề b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (đề b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HĐTV cấp GDKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TƯ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Trung tâm mua sắm tập trung thuốc quốc gia;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCHN, P.QLGT;
- Website;
- Lưu: VT, ĐKT (C.H) (02b).

**CỤC TRƯỞNG**



**Vũ Tuấn Cường**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC 418 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC GIA HẠN GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH  
TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 200**

*(Kèm theo Quyết định số 401 /QĐ-QLD ngày 18 tháng 06 năm 2024  
của Cục Quản lý Dược)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

**1. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An** (Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, Phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam)

**1.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An** (Địa chỉ: Số 68 đường Nguyễn Sỹ Sách, Phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam)

1	CinatamDNA	Cinarizin 25mg; Piracetam 400mg	Viên nang cứng	Hộp 6 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36	8931 10425424 (VD-26359-17)	1
2	Piracetam - DNA	Piracetam 400mg	Viên nang cứng	Hộp 5 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	DĐVN V	36	8931 10425524 (VD-26362-17)	1
3	Tetracyclin 250mg	Tetracyclin hydroclorid 250mg	Viên nén	Lọ 450 viên, Lọ 400 viên, Lọ 200 viên, Lọ 100 viên	DĐVN V	24	8931 10425624 (VD-20928-14)	1

**2. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược Apimed** (Địa chỉ: 263/9 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

**2.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Apimed** (Địa chỉ: Đường N1, cụm công nghiệp Phú Thạnh – Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam)

4	Misopato 5	Bisoprolol fumarat 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	USP 38	24	8931 10425724 (VD-31034-18)	1
5	Nooapi 400	Piracetam 400mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	24	8931 10425824 (VD-31036-18)	1
6	Nooapi 800	Piracetam 800mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	24	8931 10425924 (VD-30220-18)	1
7	Sucrapi	Sucralfat 1000mg	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 5ml; Hộp 50 gói x 5ml	NSX	24	8931 00426024 (VD-30914-18)	1

**3. Cơ sở đăng ký: Công ty cổ phần dược Danapha** (Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam)

**3.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược Danapha** (Địa chỉ: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam)

8	Disidana	Nefopam hydroclorid 20mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	NSX	36	8931 10426124 (VD-31518-19)	1
9	Furosol	Furosemid 20mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	NSX	24	8931 10426224 (VD-24683-16)	1
10	Garnotal	Phenobarbital 100mg	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36	8931 12426324 (VD-24084-16)	1
11	Haloperidol 2 mg	Haloperidol 2mg	Viên nén	Hộp 1 lọ x 200 viên	NSX	36	8931 10426424 (VD-18188-13)	1
12	Meloxicam 15mg	Meloxicam 15mg	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	36	8931 10426524 (VD-31520-19)	1
13	Neuropyl 400	Piracetam 400mg	Viên nang cứng	Hộp 5 vi x 10 viên	NSX	36	8931 10426624 (VD-25094-16)	1

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
393	Teicomedlac 400	Teicoplanin 400mg	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ; Hộp 1 lọ x 1 ống (dung môi nước vô khuẩn để tiêm 3ml)	NSX	36	893115464624 (VD-30145-18)	1

**86. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dược phẩm Thành Nam** (Địa chỉ: 3A Đặng Tất, Phường Tân Định, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam)

**86.1. Cơ sở sản xuất: Chi nhánh công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dược phẩm Thành Nam tại Bình Dương** (Địa chỉ: 60 Đại lộ Độc Lập, Khu Công Nghiệp Việt Nam-Singapore, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

394	Corcotab	Bisoprolol fumarat 2,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 14 viên, Hộp 5 vi x 14 viên	NSX	36	893110464724 (VD-22380-15)	1
395	Loperamide	Loperamid HCl 2mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36	893100464824 (VD-33127-19)	1
396	Meloxicam 15	Meloxicam 15mg	Viên nén	Hộp 2 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36	893110464924 (VD-32463-19)	1
397	Meloxicam 7,5	Meloxicam 7,5mg	Viên nén	Hộp 2 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	NSX	36	893110465024 (VD-30164-18)	1
398	Tanaclaratyne	Loratadin 10mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên, Lọ 200 viên	NSX	36	893100465124 (VD-31419-18)	1
399	Tanadebirate	Trimebutin maleat 100mg	Viên nén	Hộp 2 vi x 15 viên, Hộp 10 vi x 15 viên	NSX	36	893110465224 (VD-33130-19)	1
400	Tanametrol	Methylprednisolon 4mg	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	36	893110465324 (VD-26624-17)	1

**87. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Shine Pharma** (Địa chỉ: 781/C2, đường Lê Hồng Phong (nổi dài), phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

**87.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú- Chi nhánh nhà máy sản xuất dược phẩm Usarichpharm** (Địa chỉ: Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam)

401	Stromectin 6mg	Ivermectin 6mg	Viên nén	Hộp 1 vi x 4 viên	NSX	36	893110465424 (VD-23405-15)	1
-----	----------------	----------------	----------	-------------------	-----	----	----------------------------	---

**88. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera** (Địa chỉ: Lô A17 Khu công nghiệp Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam)

**88.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera** (Địa chỉ: Lô A17 Khu công nghiệp Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam)

402	Amnol	Cilnidipine 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên; Hộp 01 lọ x 100 viên	NSX	36	893110465524 (VD-30148-18)	1
403	Biovacor	Pravastatin natri 10mg	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 1 lọ x 100 viên	NSX	36	893110465624 (VD-30149-18)	1
404	Heraprostol	Misoprostol (dưới dạng Misoprostol HPMC 1% dispersion) 200 µg (mcg)	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	NSX	24	893110465724 (VD-29544-18)	1

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Tiêu chuẩn	Tuổi thọ (tháng)	Số đăng ký gia hạn (Số đăng ký đã cấp)	Số lần gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
405	Platetica	Ticagrelor 90mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ x 100 viên	NSX	36	893110465824 (VD-29546-18)	1
406	Rilixetin	Dapoxetin (dưới dạng Dapoxetin hydrochlorid) 30mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 4 viên	NSX	36	893110465924 (VD-28738-18)	1
407	Rilixetin	Dapoxetin (dưới dạng Dapoxetin hydrochlorid) 60mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 4 viên	NSX	36	893110466024 (VD-28739-18)	1

**89. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH tư vấn và phát triển công nghệ Trung Thành** (Địa chỉ: 351 Đê La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam)

**89.1. Cơ sở sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình** (Địa chỉ: Km 4 đường Hùng Vương – TP. Thái Bình – tỉnh Thái Bình-Việt Nam)

408	Viafill 20mg	Tadalafil 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 2 viên	NSX	36	893110466124 (VD-32471-19)	1
-----	--------------	----------------	-------------------	-------------------	-----	----	----------------------------	---

**90. Cơ sở đăng ký: Công ty TNHH United International Pharma** (Địa chỉ: Số 16 VSIP II, đường số 7, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II, Khu liên hợp Công nghiệp-Dịch vụ-Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

**90.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH United International Pharma** (Địa chỉ: Số 16 VSIP II, đường số 7, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II, Khu liên hợp Công nghiệp-Dịch vụ-Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

409	Clazic MR	Gliclazide 60mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 03 vỉ x 10 viên	NSX	24	893110466224 (VD-30177-18)	1
-----	-----------	-----------------	------------------------------	---------------------	-----	----	----------------------------	---

**91. Cơ sở đăng ký: Cơ sở đặt gia công: Công ty Cổ phần Dược phẩm và Dịch vụ Y tế Khánh Hội** (Địa chỉ: Số 01 Lê Thạch, phường 13, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

**91.1. Cơ sở sản xuất: Cơ sở nhận gia công: Chi nhánh công ty TNHH sản xuất thương mại dược phẩm Thành Nam tại Bình Dương** (Địa chỉ: 60 Đại lộ Độc Lập, Khu Công Nghiệp Việt Nam-Singapore, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam)

410	Piroxicam	Piroxicam 10mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	NSX	36	893610466324 (GC-302-18)	1
411	Taginyl	N-Acetyl-dl-Leucin 500mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	NSX	36	893600466424 (GC-332-19)	1
412	Toussolène	Alimemazin tartrat 5mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 25 viên, Hộp 8 vỉ x 25 viên, Hộp 10 vỉ x 25 viên	NSX	36	893600466524 (GC-303-18)	1
413	Vitamin PP	Nicotinamid 500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Lọ 100 viên	NSX	36	893610466624 (GC-312-19)	1

**92. Cơ sở đăng ký: Chi nhánh Công ty cổ phần Dược Phú Thọ tại Hà Nội** (Địa chỉ: Nhà số 4 dãy A1 Đầm Trấu, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam)

**92.1. Cơ sở sản xuất: Công ty TNHH MTV dược phẩm 150 Cophavina** (Địa chỉ: 112 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam)

414	Levina	Vardenafil (dưới dạng Vardenafil hydrochlorid) 20mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 4 viên, Hộp 1 chai x 10 viên	NSX	36	893110466724 (VD-29591-18)	1
-----	--------	---	-------------------	---	-----	----	----------------------------	---